

Số: **1708** /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 9
dự án: Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So);

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So);

Căn cứ Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 07 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1016/TTr-TNMT ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 9 dự án Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So), cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ, tái định cư chủ đầu tư phải chi trả bổ sung là: 690.874.760 đồng.

(Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi triệu tám trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	690.874.760 đồng
+ Về đất:	110.562.550 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	201.431.643 đồng
+ Về cây cối hoa màu	74.739.666 đồng

+ Chính sách hỗ trợ:

304.140.900đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã San Thàng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Lai Châu;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Xiêng

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ (bổ sung lần 9)
Dự án: Nâng cấp đường Tỉnh lộ 130 (San Thành - Thèn Sin - Mường So)
(Kèm theo Quyết định số 1.708 /QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
A	Tổng cộng				690.874.760
I	Chi trả cho chủ sở hữu				690.874.760
1	Về đất				110.562.550
2	Về tài sản vật kiến trúc				201.431.643
3	Về cây cối hoa màu				74.739.666
4	Về chính sách hỗ trợ				304.140.900
B	Chi tiết cho các hộ dân				690.874.760
1	Họ và tên: Cộng đồng dân cư bản Lùng Than				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than -xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a).				17.250.765
a	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do bản Lùng Than tạo lập năm 2012 trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tài sản sử dụng đúng mục đích, sử dụng ổn định không tranh chấp) (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020				17.250.765
1	Ống nước HPDE PN 10 phi 40 dày 3mm	m	300,00	27.273	8.181.900
2	Khối lượng đào đắp đất thủ công (0,5*0,5*300)	m3	75,00	101.100	7.582.500
3	Măng sông phi 40	cái	6,00	54.545	327.270
4	Tê thu 40; 32	cái	15,00	77.273	1.159.095
2	Họ và tên: Vàng Thị Dũn				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải -xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c).				25.673.580
a	Về đất				8.113.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	28,0		
2	Loại đất:				
2,1	Đất ở nông thôn	m ²	28,0	550.000	15.400.000
	Truy thu nghĩa vụ tài chính 50% chênh lệch theo điểm a khoản 2 điều 5 nghị định 45/2014/NĐ-CP	m ²	28,0	257.500	-7.210.000
	Truy thu thuế trước bạ 0,5%	m ²	28,0	550.000	-77.000
	Vị trí: vị trí 1, khu vực I				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	<p>Nguồn gốc: Bà Vàng Thị Dùn bị thu hồi đất tại thửa 02 TBĐ số 36 (Bản đồ giải phóng mặt bằng) thuộc thửa 02 TBĐ địa chính số 36 xã San Thành có nguồn gốc như sau: Đất bà Vàng Thị Dùn khai hoang sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp từ năm 1978 (không có giấy tờ) đến năm 1998 gia đình bà Dùn sử dụng và mục đích đất ở.</p> <p>Đối chiếu với bản đồ địa chính xã San Thành phần diện tích thu hồi 11,2 m² đang chồng lấn lên thửa 11, 06 tờ bản đồ địa chính số 36 xã San Thành quy chủ đất DGT do UBND xã San Thành quản lý, hiện trạng do gia đình bà Vàng Thị Dùn sử dụng có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích đất thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh</p>				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do bà Vàng Thị Dùn tạo lập năm 2009, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, đúng mục đích sử dụng, sử dụng ổn định, không tranh chấp) hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020,				16.134.100
1	Tấm đan BTCT (1.8*3*0.1)	m ³	0,54	1.707.800	922.212
2	Công sắt (2.5*2) (tính bằng cấu kiện sắt thép)	m ²	5,00	1.011.000	5.055.000
3	Trụ công BTCT (0.35*0.35*2.6)*2 (Tính bằng cột BTCT)	m ³	0,64	4.288.900	2.732.029
4	Hàng rào sắt hộp (2.2*1.3)*2	m ²	5,72	312.500	1.787.500
5	Tường xây gạch đỏ T11cm (4.6*1.2)	m ²	5,52	335.600	1.852.512
6	Trụ công xây gạch đỏ (0.25*0.25*2.3)*2	m ³	0,29	1.210.500	348.019
7	Tường xây gạch bi T12cm (4.6*0.7)	m ²	3,22	156.400	503.608
8	Nền BT đá dăm dày 10cm (2.8*3.5)	m ²	9,80	102.400	1.003.520
9	Tường xây gạch đỏ T11 cm (2.5*2.3)	m ²	5,75	335.600	1.929.700
c	Về cây cối hoa màu				1.426.480
1	Chậu hoa cây cảnh	chậu	4,0	26.948	107.792
2	Cây xoài R=1-2m	cây	1,0	410.324	410.324
3	Cây nhãn trồng hạt năm thứ 4	cây	1,0	193.568	193.568
4	Chậu cây cảnh	chậu	7,0	26.948	188.636
5	Cây si cảnh D=10-25cm	cây	1,0	100.000	100.000
6	Hoa cây cảnh đã cho thu hoạch	m ²	8,0	39.796	318.368
7	Chậu cây cảnh	chậu	4,0	26.948	107.792
3	Họ và tên: Hồ Thị Mới				
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thành - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a).				9.135.423

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
a	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do bà Hồ Thị Mới tạo lập năm 2009, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, đúng mục đích sử dụng, sử dụng ổn định, không tranh chấp) hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020.				9.135.423
1	Truy thu hạng mục số 4 cổng sắt lưới B40 (1,4*2,1)*2 đã được phê duyệt tại QĐ số 2664/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	m ²	5,88	123.200	-724.416
2	Truy thu hạng mục số 5 nền láng VXM (3,5*13,1) đã được phê duyệt tại QĐ số 2664/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	m ²	45,85	39.700	-1.820.245
3	Cổng sắt (1.4*2.1)*2 (tính bằng cấu kiện sắt thép)	m ²	5,90	1.011.000	5.964.900
4	Kè đá xây (dưới tường) (10,6*0,5*0,4)	m ³	2,12	481.200	1.020.144
5	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3.5*13.1)	m ²	45,85	102.400	4.695.040
4	Họ và tên: Hoàng Văn Quân (đã chết) (hiện tại con trai Hoàng Văn Sám đang sử dụng)				
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thành - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c).				
					36.011.100
a	Về đất				
					7.041.100
1	Diện tích thu hồi	m ²	190,3		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	190,3	37.000	7.041.100
	Vị trí: vị trí 1, khu vực I				
	Nguồn gốc: Thửa đất số 438, 439, 440, 441, 442, 476, 477 TBĐ 15 đã được cấp GCN QSD đất số BM 034742 do UBND thị xã Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 11/7/2013. Thửa đất số 437 TBĐ 15 có nguồn gốc gia đình ông Hoàng Văn Quân khai hoang sử dụng trước năm 1993 (không có giấy tờ) sử dụng vào mục đích đất trồng lúa từ đó đến nay. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp				
b	Về cây cối hoa màu				
					805.600
1	Sản lượng lúa 190 m ² *5.3 tấn/ha/năm	kg	101	8.000	805.600
c	Về chính sách hỗ trợ				
					28.164.400
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	190,3	148.000	28.164.400
5	Họ và tên: Đà Văn Lò				
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thành - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a).				
					2.208.000
a	Về cây cối hoa màu				
					2.208.000

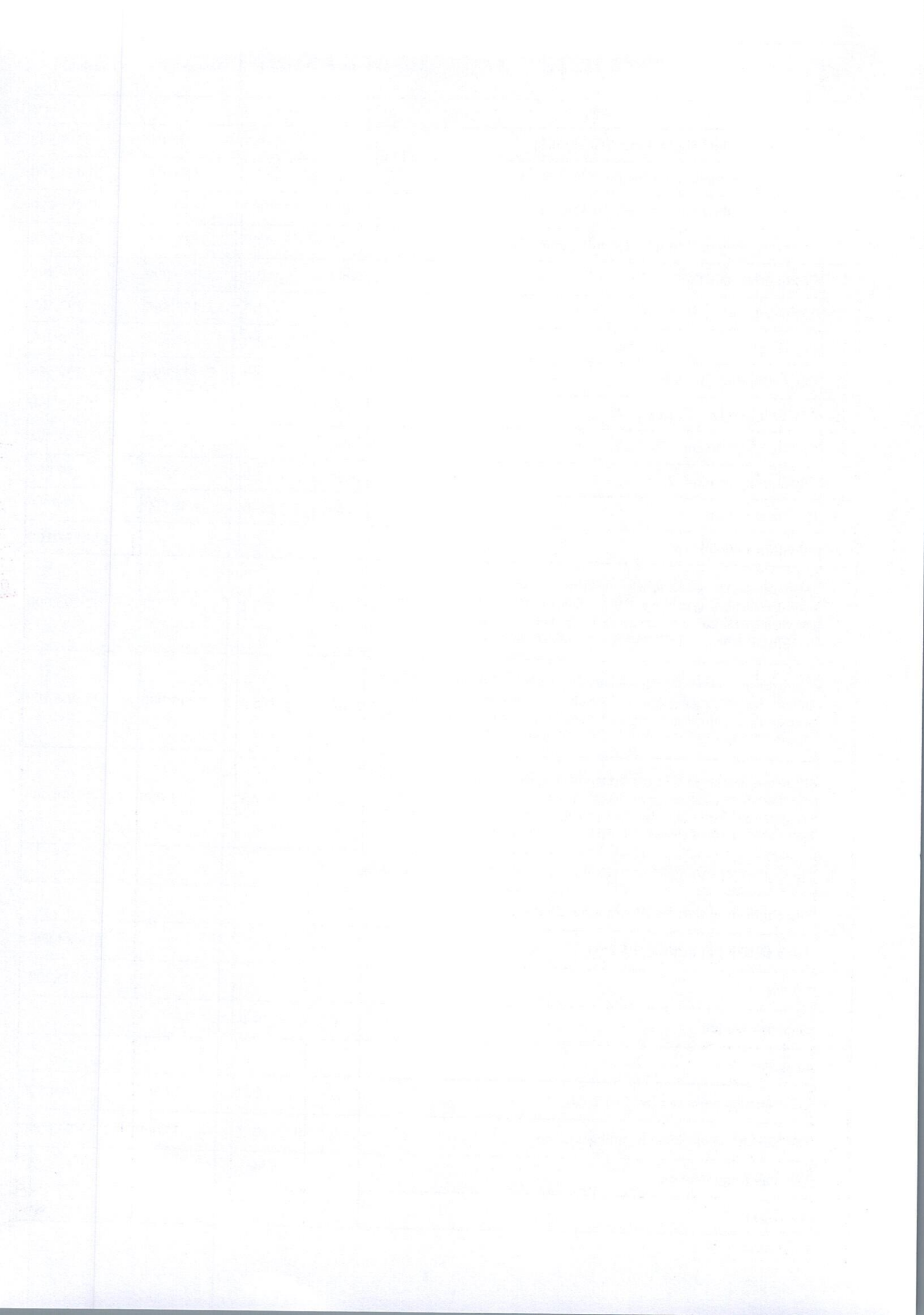
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Cây tre D>10 cm	cây	46	48.000	2.208.000
6	Họ và tên: Hoàng Thị Chắt				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải, xã San Thành, thành phố Lai Châu				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b).				3.584.000
a	Về đất				896.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	25,6		
2	Loại đất:				
2,3	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	25,6	35.000	896.000
	Vị trí: vị trí 1				
	<p>Nguồn gốc: Diện tích đất thu hồi của bà Hoàng Thị Chắt có nguồn gốc 29/12/2023: Được cấp GCNQSD đất số BT477160 do UBND thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu) cấp ngày 21/1/2015. đối chiếu bản đồ địa chính xã San Thành một phần diện tích thu hồi đang chồng lấn lên thửa 107, TĐĐ địa chính số 42, quy chủ đất DGT do UBND xã quản lý, hiện trạng do gia đình bà Hoàng Thị Chắt sử dụng có cùng nguồn gốc với giấy chứng nhận đã cấp. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc đo đạc quy chủ không chính xác</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp</p>				
b	Về chính sách hỗ trợ				2.688.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	25,6	105.000	2.688.000
7	Họ và tên: Hoàng Văn Tiến (Vùi Thị Len)				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				8.603.638
a	Về đất				52.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	1,5		
2	Loại đất:				
2.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	1,5	35.000	52.500
	Vị trí: vị trí 1				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	Nguồn gốc: Đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC467545 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 22/7/2013, Phần diện tích thu hồi đang chồng lấn lên thửa 107 TBĐ địa chính số 42 thửa đất số 6 TBĐ địa chính số 36, thửa đất số 25 TBĐ địa chính số 35 quy chủ đất DGT do UBND xã quản lý, hiện trạng do ông Hoàng Văn Tiến quản lý sử dụng có nguồn gốc như giấy chứng nhận số BC 467545, mục đích sử dụng đất bằng trồng cây hàng năm khác. Nguyên nhân do các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Đất sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Hoàng Văn Tiến tạo lập năm 2010, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm, xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, sử dụng ổn định không tranh chấp.) hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020.				7.154.422
1	Kè đá xếp khan (10*1.5*0.4)	m3	6,00	173.900	1.043.400
2	Tấm đan BTCT (1.8*1.4*0.1) (bắc qua rãnh vào nhà)	m3	0,25	1.707.800	430.366
3	Kè đá xếp khan (12*1.4*0.4)	m3	6,72	173.900	1.168.608
4	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1.1*0.7) (bắc qua rãnh vào nhà)	m2	0,77	102.400	78.848
5	Dây thép gai	m	35,00	5.000	175.000
6	Thép V0.4*0.4 dày 2 ly	m	10,00	30.000	300.000
7	Công sắt (2*1.8) (tính bằng cầu kiện sắt thép)	m2	3,60	1.011.000	3.639.600
8	Cột BTCT (2.5*0.1*0.15)*2	cọc	2,00	159.300	318.600
c	Về cây cối hoa màu				1.239.216
1	Cây đào R=1-2m	cây	1	413.072	413.072
3	Cây đào R=1-2m	cây	1	413.072	413.072
6	Cây đào R=1-2m	cây	1	413.072	413.072
d	Về chính sách hỗ trợ				157.500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	1,5	105.000	157.500
8	Họ và tên: Vui Văn Cương				
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thàng - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				43.800.000

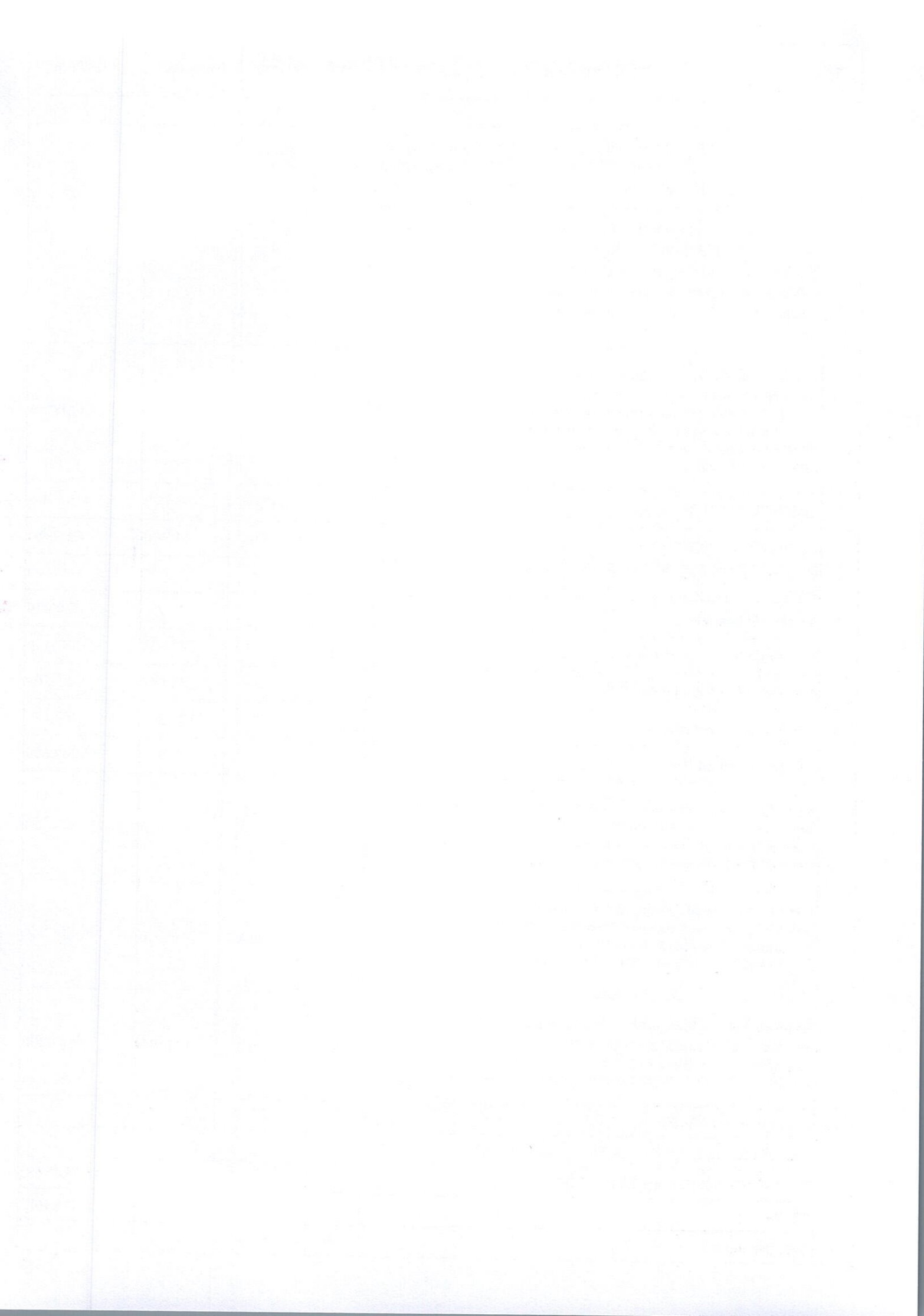
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
a	Về đất				10.950.000
1	Diện tích thu hồi	m ²			
2	Loại đất:				
	Đất Nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	365,0	30.000	10.950.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Phần DT đất nương bị thu hồi theo BĐ địa chính thuộc thửa đất số 164, BĐ 25 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất BCS. Trên thực tế do ông Vùi Văn Cương đang sử dụng với mục đích đất nương. Có nguồn gốc sử dụng: Đất khai hoang sử dụng từ năm 1997 (không có giấy tờ), nguyên nhân là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác gia đình chưa được quy chủ sử dụng đất. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp				
d	Về chính sách hỗ trợ				32.850.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	365,0	90.000	32.850.000
9	Họ và tên: Lù Văn Hiền				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chin Chu Chải - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				290.964.236
a	Về đất				38.394.900
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.037,7		
2	Loại đất:				
2,1	Đất trồng lúa nước còn lại (lúa 1 vụ)	m ²	218,2	37.000	8.073.400
2,2	Đất trồng cây lâu năm	m ²	105,1	37.000	3.888.700
2,3	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	714,4	37.000	26.432.800
	Vị trí: vị trí 1				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	<p>Nguồn gốc:- Thửa đất số 337 TĐĐ 33, các thửa 349, 350, 352, 385, 386; Tờ ĐĐ số 27 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BQ532754 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 31/12/2013.</p> <p>- Phần diện tích chồng lấn của thửa đất số 394, tờ ĐĐ số 34 thông tin theo ĐĐ địa chính thuộc thửa đất số 34, tờ ĐĐ số 40 đang quy loại đất BCS do UBND xã quản lý. Thực tế do gia đình ông Lù Văn Hiền đang quản lý, sử dụng có cùng nguồn gốc, sử dụng với GCN QSD đất số phát hành BQ532754 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 31/12/2013, sử dụng vào mục đích đất trồng cây lâu năm. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>- Thửa đất số 25, 26; tờ ĐĐ số 33 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466551 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 17/3/2012 mang tên ông Lù Văn Chấn. Trong quá trình kê khai cấp GCN QSD đất đã cấp không đúng chủ sử dụng đất đang sử dụng. Thực tế do gia đình ông Lù Văn Hiền đang quản lý, sử dụng có cùng nguồn gốc do gia đình ông Lù Văn Hiền khai hoang sử dụng từ năm 1993 (không có giấy tờ) thửa đất số 25 TĐĐ 33 sử dụng vào mục đích đất trồng lúa, thửa đất số 26 TĐĐ 33 sử dụng vào mục đích đất nuôi trồng thủy sản. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Lù Văn Hiền tạo lập năm 1996, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất. Tài sản sử dụng đúng mục đích, không tranh chấp) hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020.				70.343.303
1	Bóc tách lán tạm				
1.1	Cột BTCT (4*0.2*0.1)*6	cọc	6,0	159.300	955.800
1.2	Mái Proximang (8*3.7)	m ²	29,6	56.600	1.675.360
1.3	Nền BT đá dăm dày 10cm (3*3)	m ²	9,0	102.400	921.600
2	Đào ao không phân biệt cấp đất (693,1 m ² *1)	m ³	693,1	71.400	49.487.340
3	Kè đá xây (3.3*1.3*0.4)	m ³	1,7	481.200	825.739
4	Kè đá xây (10*1.3*0.4)	m ³	5,2	481.200	2.502.240
5	Đào ao không phân biệt cấp đất (21,3 m ² *1,2)	m ³	25,6	71.400	1.824.984
6	Kè đá xây (24*1.0*0.4)	m ³	9,6	481.200	4.619.520
7	Hàng rào cọc tre	m	4,0	6.000	24.000
8	Kè đá xây (1,3*0,4*30)	m ³	15,6	481.200	7.506.720
b	Về cây cối hoa màu				58.967.932
1	2 Cây lấy gỗ D = 17 cm, h = 8m	m ³	0,18	950.000	172.417
2	Cây lấy gỗ D= 30, H=11m	m ³	0,4	950.000	369.146
3	Cây ổi trồng hạt năm thứ 3	cây	4,0	134.794	539.176
4	Dâu tằm đã cho thu hoạch (tính tương đương rào màu gói vụ)	m ²	2,0	10.000	20.000
5	Rau màu gói vụ	m ²	34,0	9.600	326.400
6	Sản lượng cá ảnh hưởng (454,1 m ² *0.43kg/m ²)	kg	195,3	60.000	11.715.780

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
7	Sản lượng cá thu hồi (21,3 m ² *0,43kg/m ²)	kg	9,2	60.000	549.540
8	Sản lượng cá ảnh hưởng (599,0 m ² *0,43kg/m ²)	kg	257,6	60.000	15.454.200
9	Sản lượng cá thu hồi (693,1 m ² *0,43kg/m ²)	kg	298,0	60.000	17.881.980
10	Hoa hồng trồng từ 2 năm trở lên trồng đảm bảo mật độ	m ²	93,0	51.796	4.817.028
11	Cây ổi trồng năm thứ 2	cây	2,0	89.999	179.998
12	Cây chanh trồng năm thứ 4	cây	1,0	193.568	193.568
13	Cây lầy gỗ trồng từ 3 đến 4 năm	cây	2,0	39.484	78.968
14	Cây nhãn trồng năm thứ 3	cây	2,0	134.794	269.588
15	20 Cây lầy gỗ D = 15 cm, h = 8	m ³	1,4	950.000	1.342.350
16	Cây lầy gỗ D=30 cm , H= 5m	m ³	0,177	950.000	167.794
17	Cây ổi trồng năm thứ 2	cây	1,0	89.999	89.999
18	Cây tre D>10 cm	cây	100	48.000	4.800.000
c	Về chính sách hỗ trợ				123.258.100
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	218,2	148.000	32.293.600
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	105,1	111.000	11.666.100
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nuôi trồng thủy sản theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	714,4	111.000	79.298.400
10	Họ và tên: Vui Văn Ngoãn (con gái Vui Thị Hương đang sử dụng)				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải -xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				51.089.896
a	Về đất				11.903.200
1	Diện tích thu hồi	m ²	326,4		
2	Loại đất:				
2,2	Đất trồng lúa nước còn lại (Lúa 1 vụ)	m ²	189,3	37.000	7.004.100
2,3	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (bờ ao)	m ²	86,8	35.000	3.038.000
2,4	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	50,3	37.000	1.861.100
	Vị trí: vị trí 1				



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	Nguồn gốc: Diện tích đất thu hồi của ông Vui Văn Ngoãn có nguồn gốc được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BQ532732 do UBND thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu) cấp ngày 31/12/2013. Đối chiếu bản đồ địa chính xã San Thành một phần diện tích đất thu hồi đang chồng lấn lên thửa 435, TBĐ địa chính số 15, quy chủ đất DGT do UBND xã quản lý, hiện trạng do gia đình ông Vui Văn Ngoãn sử dụng có cùng nguồn gốc với GCN đã cấp. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc đo đạc quy chủ chưa chính xác. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Tài sản do ông Vui Văn Ngoãn tạo lập năm 2011. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất. Tài sản sử dụng đúng mục đích sử dụng đất) hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020.				2.647.020
1	Lưới B40 (22.5*1.2)	m ²	27,00	25.000	675.000
2	Cọc BTCT (0.1*0.1*2)*8	cọc	8,00	159.300	1.274.400
3	Công sắt lưới B40 (2.1*2.2) (tính bằng tường rào khung thép lưới B40)	m ²	4,62	151.000	697.620
c	Về cây cối hoa màu				830.076
1	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4	cây	2,0	193.568	387.136
2	Cây bưởi trồng hạt năm thứ nhất	cây	1,0	55.804	55.804
3	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4	cây	2,0	193.568	387.136
d	Về chính sách hỗ trợ				35.709.600
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	189,3	111.000	21.012.300
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	86,8	105.000	9.114.000
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nuôi trồng thủy sản theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	50,3	111.000	5.583.300
11	Họ và tên: Lò Văn Sin				
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thành -xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c).				15.084.668
a	Về đất				2.416.100
1	Diện tích thu hồi	m ²	65,3		



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Loại đất:				
	Đất trồng lúa nước còn lại (lúa 1 vụ)	m ²	65,3	37.000	2.416.100
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 466919 do UBND thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu) cấp ngày 31/12/2013. Đất sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	Về cây cối hoa màu				3.004.168
1	Hoa hồng trồng từ 2 năm trở lên trồng đảm bảo mật độ	m ²	58,0	51.796	3.004.168
c	Về chính sách hỗ trợ				9.664.400
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	65,3	148.000	9.664.400
12	Họ và tên: Phan Văn Hồ				
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thàng - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b).				5.313.190
a	Về đất				3.520.000
1	Diện tích thu hồi	m ²			
2	Loại đất:				
	Đất ở nông thôn	m ²	6,4	550.000	3.520.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ532046 do UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 27/01/2015. Toàn bộ diện tích thu hồi sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc (tài sản do ông Phan Văn Hồ tạo lập năm 2010. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất. Tài sản sử dụng đúng mục đích sử dụng đất) hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020.				1.793.190
1	Tấm đan BTCT (7*0,1*1,5)	m ³	1,05	1.707.800	1.793.190
13	Họ và tên: Mừng Văn Chiềng (Trường)				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chin Chu Chải - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b).				16.740.000
a	Về đất				4.185.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	139,5		



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Loại đất:				
2.1	Đất Nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	139,5	30.000	4.185.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Đất của ông Mùng Văn Chiềng có nguồn gốc Nhận tặng cho QSD đất nông nghiệp của bố đẻ là ông Mùng Văn Số năm 2006 (Không có giấy tờ tặng cho). Đất ông Số khai hoang sử dụng đất trước năm 1990 (Không có giấy tờ). - Phần DT thu hồi đất nương thuộc thửa đất số 417, tờ ĐĐ số 21 đang chồng lấn lên thửa đất 31 TBD địa chính 21 quy chủ đất BCS do UBND xã quản lý, hiện trạng do gia đình ông Mùng Văn Chiềng quản lý, sử dụng có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Đất sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	Về chính sách hỗ trợ				12.555.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	139,5	90.000	12.555.000
14	Họ và tên: Lương Văn Ngoãn				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (Bằng a+b+c+d).				31.286.358
a	Về đất				1.816.700
1	Diện tích thu hồi	m ²	49,1		
2	Loại đất				
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	49,1	37.000	1.816.700
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Thửa đất số 687 TBD thu hồi số 4 theo hồ sơ địa chính thuộc một phần thửa đất số 645 TBD số 4 quy chủ cho ông Lương Văn Quý. Hiện trạng do ông Lương Văn Ngoãn quản lý sử dụng có nguồn gốc: ông Lương Văn Ngoãn nhận tặng cho QSD đất của bố đẻ là ông Lương Văn Mù năm 2007 (không có giấy tờ), đất ông Mù khai hoang sử dụng từ trước năm 1993. Phần diện tích thu hồi đang chồng lấn lên thửa 474 TBD địa chính số 6 quy chủ đất DGT do UBND xã quản lý, hiện trạng do ông Lương Văn Ngoãn quản lý sử dụng có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân do các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Lương Văn Ngoãn tạo lập vào năm 2018. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất. Phần tài sản bán mái, nền bê tông dưới mái sử dụng sai mục đích, các tài sản còn lại sử dụng đúng mục đích.)				21.873.922



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
b1	Tài sản sử dụng sai mục đích hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020				
	Phần tài sản thu hồi				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (2*7,7)	m2	15,4	204.900	3.155.460
2	Nền BT đá dăm dày 17 cm (2*7,7)	m2	15,4	87.040	1.340.416
3	Bồi đắp đất san nền bằng máy dưới 50 m (1,3*15,4 m2)	m3	20,0	6.750	135.135
	Phần tài sản ảnh hưởng không sử dụng được				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (3,5*7,7)	m2	27,0	204.900	5.522.055
2	Nền BT đá dăm dày 17 cm (3,5*7,7)	m2	27,0	87.040	2.345.728
b2	Tài sản sử dụng đúng mục đích hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020				
	Phần tài sản thu hồi				
1	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2*10)	m2	20,0	102.400	2.048.000
2	Kè đá xây (0,5*0,5*11) (phần đất vườn)	m3	2,8	481.200	1.323.300
3	Hàng rào lưới B40 (1,5*11) (trên kè đá)	m2	16,5	25.000	412.500
4	Ông nước HPDE phi 250 (PE100) PN6 dày 9,6 mm	m	8,0	499.000	3.992.000
5	Bồi đắp đất san nền bằng máy dưới 50 m (1,3*49 m2)	m3	63,7	13.500	859.950
6	Ông nước HPDE phi 20 (PE100) PN16 dày 2 mm	m	14,0	7.727	108.178
	Phần tài sản ảnh hưởng không sử dụng được				
1	Kè đá xây (0,5*0,5*4) (phần đất vườn)	m3	1,0	481.200	481.200
2	Hàng rào lưới B40 (1,5*4) (trên kè đá)	m2	6,0	25.000	150.000
c	Về cây cối hoa màu				2.145.636
1	Cây mía cao trên 1,2 m	cây	48	9.000	432.000
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	cây	4	89.999	359.996
3	Cây đu đủ đã cho thu hoạch	cây	1	144.000	144.000
4	Cây mắc ca trồng năm thứ 3	cây	3	228.254	684.762
5	2 Cây chuối đã có buồng	kg	40	6.000	240.000
6	Hoa hồng trồng trên 2 năm đã cho thu hoạch đảm bảo mật độ	m2	5,5	51.796	284.878
d	Về chính sách hỗ trợ				5.450.100
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	49,1	111.000	5.450.100



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
15	Họ và tên: Thảo Thị Liễu				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b).				
	2.623.636				
a	Về tài sản vật kiến trúc				
	500.000				
1	Dây thép gai	m	100,0	5.000	500.000
b	Về cây cối hoa màu				
	2.123.636				
1	Hoa hồng trồng trên 2 năm đã cho thu hoạch đảm bảo mật độ	m ²	41,0	51.796	2.123.636
16	Họ và tên: Mừng Văn Kiêu				
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thành - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b).				
	5.100.000				
a	Về đất				
	1.275.000				
1	Diện tích thu hồi	m ²	42,5		
2	Loại đất:				
	Đất Nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	42,5	30.000	1.275.000
	Vị trí: vị trí 1				
	<p>Nguồn gốc: Đất của ông Mừng Văn Kiêu có nguồn gốc Nhận tặng cho QSD đất nông nghiệp của bố đẻ là ông Mừng Văn Sớ năm 2006 (Không có giấy tờ tặng cho). Đất ông Sớ khai hoang sử dụng đất trước năm 1990 (Không có giấy tờ).</p> <p>- Phần DT thu hồi đất nương thuộc thửa đất số 419, tờ BĐ số 27 đang chồng lấn lên thửa đất 261 TBĐ địa chính 27 quy chủ đất BCS và thửa đất 221 quy chủ đất SON do UBND xã quản lý, hiện trạng do gia đình ông Mừng Văn Kiêu quản lý, sử dụng có nguồn gốc như trên. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Đất sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>				
b	Về chính sách hỗ trợ				
	3.825.000				
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	42,5	90.000	3.825.000
17	Họ và tên: Hồ Văn Túi, Phan Thị Nòn (0357.261.535)				
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thành - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b).				
	22.968.000				
a	Về đất				
	5.742.000				
1	Diện tích thu hồi	m ²	191,4		



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Loại đất:				
	Đất Nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	191,4	30.000	5.742.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Phần diện tích thu hồi thuộc thửa 112 TĐĐ địa chính số 25 xã San Thành có nguồn gốc: Đất gia đình khai hoang sử dụng từ trước năm 1993. Toàn bộ diện tích thu hồi sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
b	Về chính sách hỗ trợ				17.226.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	191,4	90.000	17.226.000
18	Họ và tên: Lý Văn Long				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than, xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (Bằng a+b+c).				574.000
a	Về đất				143.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	4,1		
2	Loại đất:				
2,3	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	4,1	35.000	143.500
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Đối với thửa đất số 471, tờ BĐ thu hồi số 4 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BL117039 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 5/12/2012. - Phần diện tích thu hồi đang chồng lấn thửa đất số 474 TĐĐ 4 đang quy chủ đất DGT, thửa đất số 0 TĐĐ số 4 quy chủ đất BCS, thửa đất số 560 quy chủ đất DTL do UBND xã quản lý, thực tế do gia đình ông Lý Văn Long đang quản lý, sử dụng có cùng nguồn gốc, mục đích sử dụng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Nguyên nhân là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	Về chính sách hỗ trợ				430.500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	4,1	105.000	430.500
19	Họ và tên: Lò A Mù				
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thành - xã San Thành				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				35.721.500
a	Về đất				7.452.000



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Diện tích thu hồi	m ²	206,2		
2	Loại đất:				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	88,7	35.000	3.104.500
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	117,5	37.000	4.347.500
	Vị trí: vị trí 1				
	<p>Nguồn gốc: Đối với phần diện tích thuộc thửa đất số 183, tờ BĐ thu hồi số 12 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC321668 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 18/5/2012.</p> <p>- Một phần diện tích đang chồng lấn lên thửa 82 TĐĐ 8 đang quy chủ đất BCS do UBND xã quản lý, hiện trạng do gia đình ông Lò A Mù đang quản lý, sử dụng có cùng nguồn gốc, mục đích sử dụng với giấy chứng nhận QSD đất đã cấp, nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>- Thửa đất số 528, 529, 530, 531 tờ BĐ thu hồi số 6 có nguồn gốc: Do ông Lò A Mù khai hoang sử dụng làm nông nghiệp trước năm 1993 (Không có giấy tờ).</p> <p>Toàn bộ diện tích đất thu hồi sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>				
b	Về cây cối hoa màu				1.566.000
1	Cây tre D>10 cm	cây	22	48.000	1.056.000
2	Cây tre D= 5-10 cm	cây	17	30.000	510.000
d	Về chính sách hỗ trợ				26.703.500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	88,7	105.000	9.313.500
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	117,5	148.000	17.390.000
20	Họ và tên: Lý Văn Long				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c).				13.744.521
a	Về đất				192.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	5,5		
2	Loại đất:				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	5,5	35.000	192.500
	Vị trí: vị trí 1				



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 83 TĐĐ số 4 Đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số BM 089069 do UBND thị xã Lai Châu cấp ngày 16/10/2013 cho ông Lý Văn Long.</p> <p>phần diện tích thu hồi đang chồng lấn lên thửa đất 474, TĐĐ địa chính số 6, quy chủ đất giao thông do UBND xã quản lý, hiện trạng do ông Lý Văn Long quản lý sử dụng có cùng nguồn gốc với GCn đã cấp, nguyên nhân do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.</p>				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên đất tạo lập vào năm 2008. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất. Tài sản sử dụng sai mục đích.) Tài sản sử dụng sai mục đích hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020				12.974.521
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (6*0.9)	m2	5,40	204.900	1.106.460
2	Khung sắt lưới B40 (1.5*0.9)*2 (trên tường)	m2	2,70	75.500	203.850
3	Khung sắt lưới B40 (2*3.2) (trên tường)	m2	6,40	75.500	483.200
4	Tường xây gạch bi T112cm (3.2*1.4) (trong bán mái)	m2	4,48	78.200	350.336
5	Khung sắt lưới B40 (2.4*1)	m2	2,40	75.500	181.200
6	Cổng sắt (1.6*1.9)	m2	3,04	505.500	1.536.720
7	Trụ cổng BTCT (0.4*0.4*2.6)*3 (tính bằng cột BTCT)	m3	1,25	2.144.450	2.676.274
8	Tôn bưng (1.5*6)+(0.9*0.7)*2 (lắp trong khung sắt lưới B40) (tính bằng nhựa quây)	m2	10,26	19.850	203.661
9	Tường xây gạch bi T12cm (1.8*0.9) (trong bán mái)	m2	1,62	78.200	126.684
10	Tường xây gạch bi T12cm (2.3*0.9) (trong bán mái)	m2	2,07	78.200	161.874
11	Nền BT đá dăm dày 10 cm (6*0.9) (dưới bán mái)	m2	5,40	51.200	276.480
	Phần Tài sản ảnh hưởng không sử dụng được				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (6*3.1)	m2	18,60	204.900	3.811.140
2	Tường xây gạch bi T12cm (3.1*1.8)	m2	5,58	78.200	436.356
3	Khung sắt lưới B40 (1.5*3.1)*2	m2	9,30	75.500	702.150
4	Tôn bưng (3.1*1)*2 (tính bằng nhựa quây)	m2	6,20	19.850	123.070
5	Tường xây gạch bi T12cm (3.1*2.3)	m2	7,13	78.200	557.566
6	Bạt dứa	m2	15,00	2.500	37.500
c	Về chính sách hỗ trợ				577.500

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	5,5	105.000	577.500
21	Họ và tên: Nguyễn Văn Khởi				
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				14.596.935
a	Về đất				931.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	26,6		
2	Loại đất:				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	26,6	35.000	931.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Thừa đất số 861, tờ BĐ số 4 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BT477111 do TP Lai Châu cấp ngày 21/1/2015 mang tên ông Nguyễn Văn Khởi. Phần diện tích thu hồi đang chồng lấn lên thửa đất số 83, TĐĐ số 4, quy chủ cho ông Lý Văn Long và thửa đất số 474, TĐĐ địa chính số 6, quy chủ đất giao thông do UBND xã quản lý hiện trạng do ông Nguyễn Văn Khởi quản lý sử dụng, có cùng nguồn gốc với GCN đã cấp, nguyên nhân là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên đất tạo lập vào năm 2008. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất. Tài sản là nền BT đá dăm sử dụng sai mục đích, các tài sản còn lại sử dụng đúng mục đích.)				10.482.993
b1	Tài sản sử dụng đúng mục đích hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020				
1	Tường xây gạch bi T12cm (1*1.6)*2	m2	3,20	156.400	500.480
2	Trụ công xây gạch bi (0.5*0.5*2.3)	m3	0,58	669.900	385.193
3	Công sắt (2.2*1.7)	m2	3,74	1.011.000	3.781.140
4	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	1,00	59.300	59.300
5	Lưới B40 (1.2*1)	m2	1,20	25.000	30.000
6	Tường xây gạch bi T12cm (14.2*2.0)	m2	28,40	156.400	4.441.760
	Tài sản sử dụng sai mục đích hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020				
7	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3.1*6)	m2	18,60	51.200	952.320
8	Nền BT đá dăm dày 10cm (4.5*1)	m2	4,50	51.200	230.400

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
9	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1*2)	m2	2,00	51.200	102.400
c	Về cây cối hoa màu				389.942
1	Chậu cây cảnh	chậu	6	26.948	161.688
2	Cây mắc ca trồng năm thứ 3	cây	1	228.254	228.254
d	Về chính sách hỗ trợ				2.793.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	26,6	105.000	2.793.000
22	Họ và tên: Nguyễn Xuân Chính				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 15, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				18.715.396
b	Về đất				612.350
1	Diện tích thu hồi	m ²	33,1		
2	Loại đất:				
2,1	Đất ở nông thôn	m ²	33,1	550.000	18.205.000
	Truy thu nghĩa vụ tài chính 100% chênh lệch theo điểm b khoản 2 điều 5 nghị định 45/2014/NĐ-CP	m ²	33,1	515.000	-17.046.500
	Truy thu thuế trước bạ 0,5%	m ²	33,1	550.000	-91.025
	Truy thu thuế thu nhập cá nhân 2,5%	m ²	33,1	550.000	-455.125
	Vị trí: vị trí 1, khu vực I				
	Nguồn gốc: Gia đình ông Nguyễn Xuân Chính nhận chuyển nhượng QSD đất của bà Thảo Thị Den năm 2007. Đất bà Den khai hoang sử dụng từ trước năm 1993 (không có giấy tờ). Gia đình ông Chính sử dụng vào mục đích đất ở năm 2007. Phần diện tích thu hồi đang chồng lấn lên thửa đất số 18, TBD địa chính số 42, quy chủ cho bà Hoàng Thị Chắt và thửa đất số 19, TBD địa chính số 42, quy chủ đất giao thông do UBND xã quản lý, thực tế hiện trạng do ông Nguyễn Xuân Chính đang quản lý sử dụng có nguồn gốc như trên. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
a	Về tài sản vật kiến trúc (toàn bộ tài sản do ông Nguyễn Xuân Chính tạo lập năm 2007. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm, đúng mục đích sử dụng đất)				18.103.046
1	Trụ công xây gạch bi (0,3*0,3*2,2)*2	m3	0,4	669.900	265.280
2	Công sắt (2,7*1,9) (Tính bằng cấu kiện sắt thép)	m2	5,1	1.011.000	5.186.430
3	Nền BT đá dăm dày 10 cm nằm trong ranh giới thu hồi (12,2*2,4)	m2	29,3	102.400	2.998.272

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4*5	
4	Nền BT đá dăm dày 10 cm bị ảnh hưởng (12,2*2,0)	m2	24,4	102.400	2.498.560	
5	Tường xây gạch bi T12 cm (1,9*9,5)	m2	18,1	156.400	2.823.020	
6	Tường xây gạch bi T12 cm (5,1*2,3)*2	m2	23,5	156.400	3.669.144	
7	Dây thép gai	m	30,0	5.000	150.000	
8	Tấm đan BTCT (1,0*3,0*0,1)	m3	0,3	1.707.800	512.340	
23	Họ và tên: Trần Văn Chí					
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than-xã San Thành					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a).					9.346.308
a	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Trần Văn Chí tạo lập năm 2014. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm, đúng mục đích sử dụng đất).				9.346.308	
1	Kè đá xây (8,6*0,5*2,5)	m3	10,8	481.200	5.172.900	
2	Đắp đất thủ công (8,6*0,6*8)	m3	41,3	101.100	4.173.408	
24	Họ và tên: Lương Văn Mù					
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than -xã San Thành					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).					4.675.000
a	Về đất					4.675.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	8,5			
2	Loại đất:					
	Đất ở nông thôn	m ²	8,5	550.000	4.675.000	
	Vị trí: vị trí 1					
	Nguồn gốc: Phần đất thu hồi thuộc thửa 602, TBD số 6 có nguồn gốc: Đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC 321105 do UBND thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu) cấp ngày 04/4/2012. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.					
25	Họ và tên: Lương Văn Ngoan					
	Địa chỉ thường trú: Bản Lùng Than -xã San Thành					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b)).					5.106.000
a	Về đất					1.021.200
1	Diện tích thu hồi	m ²	27,6			
2	Loại đất:					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	27,6	37.000	1.021.200	

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	Vị trí: vị trí 1				
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 72, 74, 73, 115 TBĐ số 2 thông tin trên hồ sơ địa chính đang quy chủ cho ông Giàng A Sang, hiện trạng do gia đình ông Lương Văn Ngoan sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Giàng A Sang năm 2007 (không có giấy tờ), đất ông Sang khai hoang sử dụng từ trước năm 1993 (không giấy tờ), nguyên nhân là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác, chưa đúng chủ sử dụng đất. Toàn bộ diện tích đất thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>				
b	Về chính sách hỗ trợ				4.084.800
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	27,6	148.000	4.084.800
26	Họ và tên: Nông Văn Tích				
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thang - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				213.897
a	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Nông Văn Tích tạo lập năm 2017. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm, đúng mục đích sử dụng đất).				213.897
1	Kè xếp khan (8,2*0,5*0,3)	m ³	1,2	173.900	213.897
27	Họ và tên: Hoàng Đức Sinh, Thào Thị Den				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chin Chu Chải, xã San Thàng, thành phố Lai C				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c).				-203.266
a	Về đất (truy thu về đất)				-920.500
1	Truy thu hạng mục đất trồng cây hàng năm khác đã phê duyệt tại Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố Lai Châu	m ²	26,3	35.000	-920.500
2	Vị trí: vị trí 1				
b	Về chính sách hỗ trợ (Truy thu chính sách hỗ trợ)				-2.761.500
1	Truy thu số tiền Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo quy định tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy) đã phê duyệt tại Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố Lai Châu	m ²	26,3	105.000	-2.761.500

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
c	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do bà Thào Thị Den và chồng ông Hoàng Đức Sin tạo lập năm 2011 trên diện tích đất ở, trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tài sản sử dụng đúng mục đích, sử dụng ổn định không tranh chấp) Tài sản sử dụng đúng mục đích hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 điều 21 QĐ 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020				3.478.734
1	Tường xây gạch bi T12cm (15.8*1.9)	m ²	30,0	127.600	3.830.552
2	Tường xây gạch bi T12cm (1.5*1.9)	m ²	2,9	127.600	363.660
3	Trụ BTCT (0.3*0.3*2.3)*2	m ³	0,4	1.393.700	576.992
4	Tường xây gạch bi T12cm (2.3*1.9)	m ²	4,4	127.600	557.612
5	Công sắt (2.7*1.9)	m ²	5,1	123.200	632.016
6	Tấm đan BTCT (2.3*1.3*0.1)	m ³	0,3	1.393.700	416.716
7	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1.0*3.2)	m ²	3,2	83.600	267.520
8	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	3,0	48.400	145.200
9	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2*1)	m ²	2,0	83.600	167.200
	Truy thu lại hạng mục tài sản đã phê duyệt tại quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố Lai Châu				
1	Tường xây gạch bi T12cm (15.8*1.9)	m ²	30,0	63.800	-1.915.276
2	Tường xây gạch bi T12cm (1.5*1.9)	m ²	2,9	63.800	-181.830
3	Trụ BTCT (0.3*0.3*2.3)*2	m ³	0,4	696.850	-288.496
4	Tường xây gạch bi T12cm (2.3*1.9)	m ²	4,4	63.800	-278.806
5	Công sắt (2.7*1.9)	m ²	5,1	61.600	-316.008
6	Tấm đan BTCT (2.3*1.3*0.1)	m ³	0,3	696.850	-208.358
7	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1.0*3.2)	m ²	3,2	41.800	-133.760
8	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	3,0	24.200	-72.600
9	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2*1)	m ²	2,0	41.800	-83.600
28	Họ và tên: Vùi Văn Cúi				
	Địa chỉ thường trú: Bản San Thàng - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c).				1.052.980
a	Về đất				255.000
1	Diện tích thu hồi	m ²			
2	Loại đất:				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
2,1	Đất Nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	8,5	30.000	255.000
	Vị trí: vị trí 1				
	<p>Nguồn gốc: Phần diện tích đất nương bị thu hồi theo bản đồ địa chính thuộc thửa đất số 164, BĐ 25 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất BCS. Trên thực tế do ông Vui Văn Cùi đan sử dụng với mục đích đất nương. Có nguồn gốc sử dụng: Đất khai hoang sử dụng từ trước năm 1993 (không có giấy tờ), nguyên nhân là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Đất sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>				
b	Về cây cối hoa màu				32.980
1	Sản lượng ngô 8,5 m ² * 4.85 tấn/ha/năm	kg	4,1	8.000	32.980
c	Về chính sách hỗ trợ				765.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác theo Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	8,5	90.000	765.000
28	Họ và tên: Thái Đình Nguyên				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 22, phường Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a).				-105.000
a	Về đất (truy thu về đất)				-105.000
1	Truy thu phần diện tích 3 m ² đất trồng cây hàng năm khác đã phê duyệt tại Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu (phúc tra lại diện tích theo diện tích ranh giới giấy chứng nhận QSD đất số CQ 331166)	m ²	3,0	35.000	-105.000

